

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
*Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***

Bản án số: 32/2018/HC-PT

Ngày: 04/7/2018

V/v: Khiếu kiện Hành vi tổ chức thực
hiện cưỡng chế thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Lam

Bà Phạm Thị Hoàng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Chủ Thị Bích Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Thị Huyền Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số 111/2017/HCPT ngày 01/11/2017 về việc khiếu kiện Hành vi tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND thị xã ST do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HCST ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân Thị xã ST bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐPT-HC ngày 07/5/2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Phùng Văn D, sinh năm: 1966 và bà Phạm Thị H, sinh năm: 1975

Cùng trú tại: phường TH, thị xã ST, Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện:

Bà Lê Thị Kim A - Sinh năm: 1991

HKTT: Thôn TK, xã TQ, huyện VL, tỉnh H.

Đều có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Luật sư Vũ Văn Thiệu thuộc Công ty Luật hợp danh INCIP (có mặt).

2. Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã ST, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ trụ sở: phố PĐC, thị xã ST, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Bà Phan Thị H

Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã ST.

(Theo Giấy uỷ quyền số 21/UQ-CT ngày 16/11/2017) - Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người kháng cáo: Ông Phùng Văn D và bà Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các bản khai tại Tòa án, **người khởi kiện là ông Phùng Văn D và bà Phạm Thị H** thống nhất trình bày:

Năm 1993 UBND thị xã ST đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho gia đình ông được sử dụng 1056m² đất nông nghiệp trong đó có thửa đất số 406 diện tích 540m² tại xứ đồng DG, thực tế gia đình ông sử dụng đất còn lớn hơn nhiều so với diện tích ghi trong Giấy chứng nhận. Theo quyết định số 1488 ngày 30/9/2011 của UBND Thị xã ST, gia đình ông bị thu hồi 888,3m² đất để thực hiện dự án trong đó thửa số 406 bị thu hồi 440,2m². Do việc thu hồi và bồi thường đối với thửa đất số 406 không đúng nên ông bà chưa đồng ý bàn giao mặt bằng. Ngày 13/4/2015, Chủ tịch UBND thị xã ST ra quyết định số 362 về việc cưỡng chế thu hồi đất. Theo quyết định thì gia đình ông chỉ bị thu hồi 440,2m² tại thửa số 406 nhưng ngày 30/9/2015 Ban cưỡng chế đã san ủi toàn bộ, thu hồi hết cả thửa đất mà không chỉ ra được diện tích đất còn lại của ông bà là ở vị trí nào và cũng không bàn giao cho ông bà diện tích đất còn lại của thửa 406.

Hành vi tổ chức cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND Thị xã ST là không đảm bảo tính khách quan, dân chủ và vi phạm pháp luật vì đã không đo đạc cắm mốc giới trên thực địa, cưỡng chế thu hồi đất sai diện tích nêu trong quyết định. Gia đình ông bà chỉ bị thu hồi 440,2m² tại thửa số 406, diện tích 63,8m² đất còn lại không nằm trong phạm vi thu hồi vẫn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình nhưng không được xác định trên thực địa. Tại Biên bản làm việc ngày 23/6/2015 của Thanh tra thành phố ghi: *Diện tích 52,9m² ông D còn lại không nằm trong chỉ giới GPMB tiếp giáp với mặt đường QT và các mốc giới A28, A26, A27.* Đây cũng chỉ là mốc giới trên giấy và còn thiếu 10,9m². Ông bà đã làm đơn khiếu nại nhưng không được Ủy ban chấp nhận nên ông bà làm đơn khởi kiện vụ án hành chính, đề nghị Tòa án tuyên bố Hành vi tổ chức cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND Thị xã ST đối với thửa đất số 406 của gia đình ông như đã nêu trên là trái pháp luật; Buộc UBND Thị xã ST phải bàn giao cho gia đình ông diện tích đất còn lại tại thửa 406 là 63,8m² để gia đình ông sử dụng.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND thị xã ST do bà Phan Thị H đại diện trình bày: Thực hiện dự án Xây dựng khu đô thị MT - NP, hộ gia đình ông Phùng Văn D bị thu hồi 888,3m² đất nông nghiệp theo quyết định số 1488 ngày 30/9/2011 của UBND thị xã ST. Trong số diện tích đất bị thu hồi, ông D, bà H chỉ hợp tác kê khai đối với 448,1m², còn 440,2m² tại xứ đồng DG thuộc thửa số 406 tờ bản đồ số 5 thì

không kê khai, ông bà yêu cầu phải được bồi thường theo thỏa thuận với Chủ đầu tư nên không hợp tác với tổ công tác Giải phóng mặt bằng. Khi triển khai đo đạc kiểm tra hiện trạng sử dụng đất nằm trong chỉ giới thu hồi, tổ công tác đã mời ông D và H đến xác định ranh giới, mốc giới nhưng gia đình không hợp tác, Ban bồi thường GPMB đã lập Phương án bồi thường chi tiết đối với hộ ông D theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 53 Quyết định 108/2009 của UBND TP Hà Nội. Sau khi có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, Tổ công tác GPMB phối hợp với UBND phường TH và Chủ đầu tư đã 4 lần mời ông D đến nhận tiền bồi thường nhưng ông D không đến, không chấp hành quyết định thu hồi đất và không bàn giao mặt bằng nên ngày 13/4/2015, Chủ tịch UBND thị xã ST đã ban hành quyết định số 362 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông D và đã tiến hành cưỡng chế thu hồi 440,2m² đất tại thửa số 406 xong vào ngày 30/9/2015.

Chủ tịch UBND thị xã ST tổ chức cưỡng chế thu hồi 440,2m² tại thửa 406 đối với hộ ông D và H trên cơ sở ranh giới, mốc giới đã được xác định cụ thể trên bản đồ quy hoạch tổng thể (tờ số 1) và Bản đồ hiện trạng phục vụ công tác GPMB, diện tích đất còn lại của hộ ông D là 52,9m² (giảm 10,9m² so với diện tích trong Giấy chứng nhận tạm thời là do hộ ông D sử dụng một phần mương nước nên GCN ghi thửa số 406 có diện tích 504m² là bao gồm một phần diện tích mương nước công. Khi triển khai thực hiện cưỡng chế, Ban cưỡng chế đã căng dây nối các điểm mốc, đóng cọc bê tông để phân định ranh giới diện tích đất bị thu hồi với diện tích đất còn lại nằm ngoài chỉ giới và chỉ cưỡng chế thu hồi 440,2m² đất nông nghiệp thuộc thửa số 406 tại xứ đồng DG, diện tích đất còn lại vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ ông D.

Sau khi kiểm tra lại hồ sơ và thực tế sử dụng đất của hộ ông D đối với thửa đất 406, ngoài diện tích 52,9m² đất còn lại, hộ ông D vẫn còn sử dụng 8,5m² nằm ngoài chỉ giới thu hồi nên UBND thị xã ST xác định diện tích đất còn lại của hộ ông D là 61,4m² (52,9m² + 8,5m²) giảm so với diện tích ghi trong Giấy chứng nhận là 2,4m². Sai số này là do khi giao đất nông nghiệp và cấp Giấy chứng nhận không đo đạc chính xác và không có sơ đồ trích lục thửa đất.

Việc Chủ tịch UBND thị xã ST tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi 440,2m² đất nông nghiệp tại thửa số 406 đối với hộ ông D vào ngày 30/9/2015 là đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch và đúng diện tích. Yêu cầu khởi kiện của ông D, bà H là không có căn cứ, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông D, bà H.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/HCST ngày 29/8/2017 của tòa án nhân dân thị xã ST đã quyết định: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D, bà H; Xác định diện tích đất còn lại không bị thu hồi tại thửa 406 tờ bản đồ số 5 của hộ ông D và H là 61,4m² (kèm theo sơ đồ). Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 30/8/2017 ông D và bà H nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Phùng Văn D và bà Phạm Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

- Bà Lê Thị Kim A, đại diện theo ủy quyền của ông D, bà H trình bày: Chủ tịch UBND TX ST tổ chức cưỡng chế thu hồi toàn bộ thửa đất số 406 của hộ ông D trong ngày 30/9/2015 là trái pháp luật vì thu hồi vượt quá diện tích đất nêu trong quyết định. Nay UBND TX ST nêu ra diện tích đất còn lại mà ở phía dưới trước đây là nương nước (nay là cống ngầm) là diện tích đất công, không thuộc quyền sử dụng của gia đình ông D nên không thể xác định đây là diện tích đất còn lại của thửa 406. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, tuyên bố hành vi tổ chức cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND thị xã ST đối với gia đình ông D bà H là trái pháp luật.

- Luật sư Vũ Văn Thiệu, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D bà H trình bày: Quá trình cưỡng chế thu hồi đất, UBND TX ST đã không chỉ ra được diện tích đất còn lại của hộ ông D là ở vị trí nào. Khi ông D bà H khởi kiện tại Tòa án, phía Ủy ban mới đưa ra ý kiến là ở vị trí có nương nước là không có căn cứ vì ranh giới của thửa đất 406 được xác định từ bờ nương trở vào, không ai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình đối với diện tích nương nước công. Yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông D là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông D bà H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Xét kháng cáo của ông D, bà H là không có căn cứ, cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông D, bà H là phù hợp pháp luật. Đề nghị HĐXX bác kháng cáo của ông D, bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, kết quả tranh tụng, ý kiến của Luật sư và của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy:

Về thủ tục tố tụng:

Ngày 30/9/2015, Chủ tịch UBND thị xã ST tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi 888,3m² đất đối với hộ gia đình ông Phùng Văn D theo Quyết định số 362 ngày 13/4/2015. Đây là Hành vi hành chính của người có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý đất đai và thuộc đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Không đồng ý với hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thị xã ST, ngày 04/01/2016 ông Phùng Văn D và bà Phạm Thị H nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính là còn thời hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 29 và điểm a khoản 2 điều 104 Luật Tố tụng hành chính 2010. Tòa án nhân dân thị xã ST thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 5 điều 1 Nghị quyết 104/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội .

Ngày 29/8/2017, Tòa án nhân dân thị xã ST xét xử sơ thẩm và tuyên án. Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 30/8/2017 ông D, bà H nộp đơn kháng cáo trong thời hạn quy định tại khoản 2 điều 209 Luật Tố tụng hành chính 2015 nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung yêu cầu kháng cáo:

* Xét tính hợp pháp của Hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thị xã ST về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi 440,2m² đất thuộc thửa số 406 tờ bản đồ số 05 tại xứ đồng DG, phường TH diễn ra vào ngày 30/9/2015, HĐXX thấy:

Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục thực hiện Hành vi hành chính:

Thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng khu đô thị MT - NP phường TH ngày 30/9/2011 UBND thị xã ST ban hành Quyết định số 1488 V/v thu hồi 888,3m² đất nông nghiệp do hộ gia đình ông Phùng Văn D đang sử dụng tại các xứ đồng (trong đó có 440,2m² tại xứ đồng DG). Theo Phương án bồi thường, hỗ trợ lập ngày 18/11/2011 đối với hộ ông D đã được UBND thị xã ST phê duyệt, tổ công tác đã mời ông D đến nhận tiền bồi thường nhưng gia đình ông D không đến và không bàn giao mặt bằng nên ngày 13/4/2015 Chủ tịch UBND thị xã ST đã ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 362 đối với hộ ông D. Quyết định 362 đã giao cho ông D bà H và được niêm yết theo quy định. Ngày 11/5/2015, UBND phường TH đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc phường làm công tác vận động, thuyết phục đối với ông D bà H (BL131) nhưng ông, bà vẫn không chấp hành nên ngày 24/9/2015 Chủ tịch UBND thị xã ST ban hành Phương án cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông D vào ngày 30/9/2015 là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục quy định tại điều 71 Luật Đất đai.

Về nội dung thực hiện việc cưỡng chế:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tạm thời) ngày 08/12/1993, hộ ông Phùng Văn D được sử dụng 504m² đất trồng lúa thuộc thửa số 406 tờ bản đồ số 5. Theo quyết định số 1488 ngày 30/9/2011 của UBND thị xã ST, hộ ông D bị thu hồi 888,3m² nông nghiệp để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng khu đô thị MT - NP, trong đó có 08 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 2 (Bản đồ GPMB thực hiện dự án), cụ

thẻ: Thửa số 3a: diện tích 173,4m²; Thửa số 3b: diện tích 18,5m²; Thửa số 3c: diện tích 1,6m²; Thửa số 04: diện tích 115,7m²; Thửa số 07: diện tích 45,3m²; Thửa số 16: diện tích 22,4m²; Thửa số 17: diện tích 47,2m²; Thửa số 18: diện tích 16,1m². Vị trí các thửa đất này đều ở xứ đồng DG có tổng diện tích 440,2m². Đối chiếu với GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông D, HĐXX có căn cứ xác định 440,2m² đất bị thu hồi tại các thửa nêu trên là đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/CP thuộc thửa số 406 tờ bản đồ số 05 có diện tích 504m². Hộ ông D bị thu hồi 440,2m², diện tích đất còn lại không bị thu hồi vẫn thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông D.

Thực hiện việc cưỡng chế thu hồi 440,2m² đất nêu trên, Tổ công tác đã tiến hành xác định cắm mốc giới tại thực địa vào ngày 28/9/2015 (thể hiện tại Biên bản xác định mốc giới các thửa đất thu hồi hộ ông Phùng Văn D - BL90). Tại Biên bản cưỡng chế thu hồi đất ngày 30/9/2015 cũng thể hiện Ban thực hiện cưỡng chế đã tiến hành xác định lại các mốc giới, ranh giới của các thửa đất bị thu hồi theo quyết định số 1488 ngày 30/9/2011 của UBND thị xã ST. Do vậy, ông D bà H có ý kiến cho rằng UBND thị xã ST không tiến hành cắm mốc giới tại thực địa khi thực hiện cưỡng chế thu hồi đất là không có căn cứ.

Đối với diện tích đất bị cưỡng chế thu hồi tại thửa số 406:

Theo Bản đồ phục vụ công tác bồi thường GPMB do Trung tâm Tài nguyên môi trường lập và theo Biên bản làm việc ngày 23/6/2015 của Thanh tra thành phố Hà Nội thể hiện diện tích đất còn lại không bị thu hồi tại thửa 406 là 52,9m². Nhưng thực tế, ngoài số diện tích đất còn lại này, thửa số 406 vẫn còn số diện tích đất không nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng chưa được các cơ quan xác định trong quá trình lập bản đồ GPMB và giải quyết khiếu nại.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/6/2017 của Tòa án cấp sơ thẩm (kèm theo sơ đồ) thể hiện diện tích đất còn lại của thửa số 406 là 61,4m² (52,9m² + 8,5m²). Dưới một phần diện tích đất này tuy có cống ngầm (ông D khai trước đây là mương thoát nước) nhưng không còn sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông D là đất nông nghiệp sử dụng để trồng lúa, việc phía dưới diện tích đất này có cống ngầm nhưng không còn sử dụng nên không ảnh hưởng đến việc cây trồng trên đất. Hơn nữa, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông D cũng chỉ là Giấy chứng nhận tạm thời. Hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện thửa đất 406 có ranh giới từ bờ mương trở vào. Quá trình thực hiện cưỡng chế, Ban cưỡng chế chỉ thực hiện nội dung theo Phương án cưỡng chế thu hồi đất ngày 24/9/2015 của UBND thị xã ST là thu hồi diện tích đất nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án mà không phải có trách nhiệm bàn giao diện tích đất còn lại cho ông D, bà H.

Như vậy, sau khi cưỡng chế thu hồi đất xong, gia đình ông D chỉ thiếu 2,4m² so với diện tích ghi trong Giấy chứng nhận. Sai số này không đáng kể và không là căn cứ để xác định Chủ tịch UBND thị xã ST đã tổ chức cưỡng chế vượt quá diện tích đất bị thu hồi bởi thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 1993)

cho hộ ông D, việc đo đạc các thửa đất có nhiều hình thể bằng phương pháp thủ công trên cánh đồng rộng không thể chính xác tuyệt đối. Hơn nữa, thực tế hiện nay, trên diện tích đất còn lại tại thửa số 406 này, ông D bà H vẫn đang sử dụng làm quán bán hàng nên ông bà có ý kiến cho rằng Chủ tịch UBND thị xã ST đã tổ chức cưỡng chế thu hồi hết toàn bộ thửa đất số 406 là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông D, bà H là phù hợp pháp luật. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết mới, không có chứng cứ mới nên kháng cáo của ông D, bà H không được HĐXX chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông D, bà H buộc UBND thị xã ST phải bàn giao cho ông bà 63,8m² đất còn lại thuộc thửa số 406 tờ bản đồ số 5 tại xứ đồng DG không thuộc thẩm quyền giải quyết bằng vụ án hành chính.

Sau khi thực hiện cưỡng chế thu hồi đất xong, UBND thị xã ST đã bàn giao khu đất cho chủ đầu tư là Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (Tổng HUD) để thực hiện Dự án. Ngày 25/8/2017, UBND TP Hà Nội có Quyết định 5966 về việc thu hồi 1.718m² do Tổng HUD đã hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật và giao lại khu đất cho UBND thị xã ST quản lý chống lấn chiếm, phục vụ công tác tái định cư nên cấp sơ thẩm không xác định Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng.

Tuy nhiên, xem xét toàn diện bản án sơ thẩm, HĐXX thấy cấp sơ thẩm có những sai sót, cần rút kinh nghiệm như sau:

Thứ nhất: Xác định Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không đúng, bởi: diện tích 440,2m² đất bị thu hồi thuộc thửa số 406m² đã được cấp Giấy chứng nhận mang tên hộ ông Phùng Văn D. Trong các bản khai tại Tòa án, các ông/bà: Phùng Văn K, Phùng Văn H, Phùng Thị K, Phùng Thị H, Phùng Thị D đều xác nhận thửa đất số 406 thuộc quyền sử dụng của gia đình ông D và các ông/bà không có gì liên quan nên cấp sơ thẩm đưa các ông/bà có tên nêu trên tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng.

Thứ hai: Đây là vụ án hành chính, cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông D bà H nhưng xác định diện tích đất còn lại của thửa đất (có sơ đồ kèm theo) trong phần quyết định của bản án là không đúng quy định tại điều 193 Luật Tố tụng hành chính.

Vì vậy, HĐXX cần phải sửa một phần bản án sơ thẩm cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bởi các lý do trên,

Căn cứ: Khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HCST ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã ST.

Căn cứ: Khoản 1 điều 30, các điều 203, 204, 220, 242, khoản 2 điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 71 Luật Đất đai 2013; Khoản 1 điều 32 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn D và bà Phạm Thị H về việc đề nghị tuyên bố Hành vi tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi 440,2m² đất nông nghiệp tại xứ đồng DG của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã ST là trái pháp luật.

2/ Về án phí:

- Ông Phùng Văn D và bà Phạm Thị H, mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0008908 ngày 05/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã ST, ông D và bà H còn phải nộp 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Ông Phùng Văn D và bà Phạm Thị H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả ông Phùng Văn D 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 04374 ngày 30/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã ST.

3/ Bản án Hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 04/7/2018.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- UBND TP Hà Nội;
- TAND TX ST;
- VKSND TX ST;
- THADS TX ST;
- Các đương sự;
- Lưu HS/VP.

Nguyễn Thị Thu Hằng